TÊN BÀI DẠY: **CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**Lớp 9**

**Thời lượng: 3 tiết**

**I. MỤC TIÊU DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất,** **năng lực** | **Yêu cầu cần đạt** | **STT của** **Yêu cầu** **cần đạt** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ (ĐỌC)** |
| **NĂNG LỰC ĐỌC** | Nêu được nội dung khái quát của văn bản, bước đầu phân tích được các chi tiết tiêu biểu đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm. | **(1)** |
| Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi gắm đến người đọc. | **(2)** |
| Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì: chi tiết, cốt truyện, nhân vật,….. | **(3)** |
| Nhận biết và phân tích được một số yêu tố bi kịch như: xung đột, hành động. nhân vật, lời thoại,… | **(4)** |
| Nhận biết và phân biệt được lời kể chuyện, lời nhân vật, lời đối thoại và lười độc thoại trong văn bản truyện . | **(5)** |
| Đọc mở rộng một số truyện truyền thuyết khác có dung lượng tương tương với VB đã học. | **(6)** |
| **NĂNG LỰC CHUNG** |
| TỰ CHỦ VÀ TỰ HỌC | Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý. | **(7)** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU** |
| NHÂN ÁI | - Yêu thương, khoan dung, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữa. | **(8)** |

**II. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NĂNG LỰC** | **PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ** | **CÔNG CỤ** |
| **ĐỌC** | - Phương pháp hỏi đáp- Phương pháp quan sát- Phương pháp đánh giá sản phẩm của HS | - Câu hỏi (1)- Thang đánh giá (2) |
| **VIẾT** | - Phương pháp kiểm tra viết- Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập | - Sản phẩm học tập: bài viết- Phiếu đánh giá theo tiêu chí -Rubrics (3) |

**III. CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ**

1. **CÂU HỎI**

***1.1. Câu hỏi***

a) Câu hỏi "biết": “Chuyện người con gái Nam Xương” là sáng tác của ai? Trích từ tác phẩm nào?Nêu một vài hiểu biết của em về tác phẩm đó?

b) Câu hỏi "hiểu": Nhân vật chính của tác phẩm trên là ai?

c) Câu hỏi "áp dụng": Khi đọc hiểu văn bản Trung đại, ta cần chú ý điều gì?

d) Câu hỏi phân tích: Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của Vũ Nương?

e) Câu hỏi tổng hợp: Theo em, câu chuyện trên đã gửi đến chúng ta những thông điệp nào?

f) Câu hỏi đánh giá: Em thích nhất chi tiết nào trong tác phẩm?

***1.2. Bảng hỏi ngắn***

Em đã học được những tác phẩm văn học nào viết về người phụ nữ trong xã hội phong kiến? Em hiểu gì về họ?

 **1.3. Thẻ kiểm tra**

1. Điều gì trong bài học hay giờ học này làm em thích nhất?

2. Phần nào trong bài học này làm em khó hiểu? cần thầy, cô giải thích lại?

3. Điều gì em đặc biệt quan tâm hay mong muốn được biết nhưng thầy/cô trong bài học này chưa đề cập đến?

**1.4. Bảng KWLH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **K**Điều em đã biết về tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”. | **W**Điều em muốn biết qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”. | **L**Điều em đã học được từ chuyện “Chuyện người con gái Nam Xương”. | **H**Em sẽ tiếp tục nghiên cứu về vấn đề mà tác phẩm đặt ra bằng những cách sau: |
| ………….. | ………… | …………… | …………… |

1. **THANG ĐÁNH GIÁ**

**Thang đánh giá kỹ năng đọc hiểu truyện ngắn:** Hãy ghi lại mức độ thành thạo mà người học thực hiện những hành vi dưới đây khi thực hiện nhiệm vụ đọc- hiểu truyện *Chuyện người con gái Nam Xương*. Với mỗi hành vi, hãy khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ thành thạo, cụ thể:
 - Mức độ 1: Gặp khó khăn, hầu hết không thực hiện được.
 - Mức độ 2: Gặp khó khăn nhưng vẫn có thể thực hiện được.
 - Mức độ 3: Đôi khi gặp khó khăn nhưng hầu hết thực hiện được một cách dễ dàng
 - Mức độ 4: Rất ít gặp khó khăn, thường xuyên thực hiện được một cách dễ dàng

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. Đọc hiểu ngôn từ** |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Hiểu hết các từ ngữ trong văn bản, hình dung được tổng quan về văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* (đề tài, hệ thống nhân vật và các sự kiện chính).
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Tóm tắt văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương*
 |
|  | **II. Đọc hiểu hình tượng nhân vật và ý nghĩa văn bản** |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Xác định được nhân vật chính trong truyện là Vũ Nương và tái hiện lại đầy đủ các thông tin về nhân vật chính.
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Sắp xếp các thông tin về nhân vật Vũ Nương theo hệ thống để hình dung, tái hiện được tổng thể về nhân vật( chân dung, hành động, cảm xúc, ý nghĩ , lời nói, quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác). Xác định được các chi tiết/ thông tin tiêu biểu về nhân vật.
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Phân tích và chỉ ra được đặc điểm của nhân vật Vũ Nương
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Phân tích nghệ thuật khắc họa nhân vật Vũ Nương
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. So sánh, liên hệ nhân vật Vũ Nương với các nhân vật khác như Thúy Kiều, Hồ Xuân Hương, ...
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Rút ra ý nghĩa của hình tượng nhân vật Vũ Nương và tư tưởng, chủ đề của văn bản qua hình tượng nhân vật.
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Đánh giá đóng góp của nhà văn thông qua việc XD hình tượng nhân vật Vũ Nương và thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.
 |
|  | **III. Đọc hiểu nghệ thuật trần thuật** |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Xác định ngôi kể thứ ba, người kể chuyện, điểm nhìn trần thuật và hiệu quả của đặc điểm ngôn ngữ trần thuật.
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Phân tích tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn trần thuật và hiệu quả của đặc điểm ngôn ngữ trần thuật.
 |
| 4 | 3 | 2 | 1 | 1. Đánh giá đóng góp của Nguyễn Dữ về phương diện nghệ thuật trần thuật.
 |
|  |  |  |  | 1. Xác định được yếu tố kỳ ảo và ý nghĩa của yếu tố kỳ ảo trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
 |

1. **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ- RUBRICS**

**\* Nhiệm vụ:** Viết đoạn văn diễn dịch (10-12 câu) làm nổi bật phẩm chất của Vũ Nương khi xa chồng, trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp.

**\* Bảng chấm điểm rubrics**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Điểm** |
| 1. Cấu trúc đoạn văn | 1.0 |
| 2. Lập luận | 4.0 |
| 3. Diễn đạt | 3.0 |
| 4. Trình bày | 1.0 |
| 5. Sáng tạo | 1.0 |

Mỗi tiêu chí được thể hiện trong một rubrics cụ thể sau:

**3.1. Tiêu chí 1: Cấu trúc đoạn văn (1.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | **Ghi chú** |
| 1.0 | Viết đúng kiểu đoạn văn diễn dịch, câu chủ đề khái quát được vấn đề nghị luận, độ dài đản bảo đúng yêu cầu. | - Câu chủ đề: Khi xa chồng, Vũ Nương là người vợ thủy chung, người mẹ yêu thương con và người con dâu hiếu thảo.- Đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp. |
| 0.5 | Viết đúng kiểu đoạn văn diễn dịch, câu chủ đề chưa khái quát được vấn đề nghị luận, độ dài đảm bảo yêu cầu. |
| 0 | Không viết đúng kiểu đoạn văn diễn dịch, câu chủ đề chưa khái quát được vấn đề nghị luận, độ dài chưa đảm bảo yêu cầu. |

**3.2. Tiêu chí 2: Lập luận (4.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | **Ghi chú** |
| 4.0 | Lí lẽ thuyết phục, sâu sắc và dẫn chứng xác thực tiêu biểu, phong phú, được trình bày theo trình tự hợp lí, logic, chặt chẽ, thuyết phục | Đoạn văn có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần thể hiện rõ các vấn đề:- Vũ Nương là người vợ thủy chung: nhớ thương chồng da diết “mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”; nàng trỏ bóng mình trên vách để khỏa lấp nỗi nhớ chồng trong xa cách.- Vũ Nương là người mẹ yêu thương con: một mình sinh con, nuôi dạy con, trỏ bóng mình trên vách để dỗ dành con, cho đứa con đỡ thiếu vắng tình cảm của cha.- Nàng là người con dâu hiếu thảo: mẹ chồng ốm, nàng hết sức thuốc thang, lễ bái thần phật, lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn; khi bà mất, nàng lo ma chay tế lễ như đối với cha mẹ đẻ, lời trăng trối của bà trước lúc mất đã ghi nhận công lao của Vũ Nương đối với gia đình nhà chồng. |
| 2.5 - 3.5 | Lí lẽ hợp lí và dẫn chứng xác thực tiêu biểu, được trình bày theo trình tự hợp lí, thuyết phục. |
| 1.0 - 2.0 | Lí lẽ và dẫn chứng không xác thực, nghèo nàn, chưa rõ ràng. |
| 0 | Lí lẽ và dẫn chứng chưa phù hợp với vấn đề nghị luận. |

**3.3. Diễn đạt (3.0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** |
| 3.0 | Vốn từ phong phú, có từ hay, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |
| 1.5 – 2.5 | Vốn từ tương đối phong phú, không hoặc mắc một lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |
| 0.5 – 1.0 | Vốn từ còn nghèo, còn mắc một vài lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |
| 0 | Vốn từ nghèo nàn, mắc nhiều lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |

**3.4. Trình bày (1.0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** |
| 1.0 | Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, đoạn văn trình bày sạch sẽ, không gạch xóa. |
| 0.5 | Chữ viết rõ ràng, đoạn văn trình bày tương đối sạch sẽ, có một số chỗ gạch xóa. |
| 0.25 | Chữ viết tương đối rõ ràng, có nhiều chỗ gạch xóa. |
| 0 | Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ. |

**3.5. Sáng tạo (1.0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** |
| 1.0 | Có một số chỗ thể hiện quan điểm/ cách nhìn mới mẻ và diễn đạt độc đáo, mới lạ. |
| 0.5 | Có một quan đểm/ cách nhìn mới và có một chỗ diễn đạt độc đáo, mới mẻ. |
| 0.25 | Có quan điểm/ cách nhìn mới hay có một chỗ diễn đạt độc đáo, mới mẻ. |
| 0 | Không có cái nhìn mới và không có chỗ diễn đạt sáng tạo. |